TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY XUYÊN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI C4Ủ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2023/DS-ST
Ngày 25/4/2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY XUYÊN- TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Cang và ông Trịnh Sơn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 134/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXX-TA ngày 21 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị T, sinh năm 1981, có mặt.
Địa chỉ: khu PM, thị trấn AN, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.
- Bị đơn:
1. Ông Trần Đình T1, sinh năm 1985, vắng mặt.
2. Bà Ngô Thị Huyền S, sinh năm 1985, vắng mặt.
Cùng địa chỉ: thôn LTT, xã DH, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 06/6/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Phan Thị T trình bày:

Tháng 01/2021, do nhu cầu công việc làm ăn cần tiền nên anh T1 có mượn của bà T số tiền 1,7 tỷ đồng. Vợ chồng anh T1 có viết giấy mượn tiền. Khi cho vay tiền, vợ chồng anh T1 có giao cho bà 2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin,

tuy nhiên sau đó, do điều kiện làm ăn của anh T1 khó khăn và bà cũng muốn tạo điều kiện thuận lợi cho anh T1, đồng thời vợ chồng T1 đã cam kết với bà là sẽ trả nợ nên bà trả bớt cho vợ chồng anh T1 một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉ còn giữ lại 01 giấy chứng nhận thửa đất số 959, tờ bản đồ số 3. Sau 2 lần không đúng hẹn, vợ chồng anh đã viết giấy cam kết trả nợ cho bà, nếu không trả đúng hạn thì vợ chồng anh T1 sẽ chuyển nhượng thửa đất số 959, tờ bản đồ số 3 thuộc thôn La Tháp Tây, xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên cho bà nhưng đến nay vẫn không chuyển nhượng. Khi mượn tiền chỉ có một mình T1 đi mượn nhưng mục đích là sử dụng vào việc kinh doanh của gia đình, nhưng sau đó không có khả năng trả nên vợ chồng T1 đã qua nhà bà viết giấy mượn tiền và giấy cam kết. Vì vậy bà T đề nghị ông Trần Đình T1 và bà Ngô Thị Huyền S phải trả cho bà số tiền 1,7 tỷ đồng.

Tại văn bản trả trình bày ý kiến ngày 09/01/2023, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Đình T1 trình bày như sau:

Ông và bà Lệ có quen biết và làm ăn với nhau. Do ông có nhu cầu mượn tiền nên bà Lệ có giới thiệu bà gặp bà T để mượn tiền. Lúc đầu ông có viết giấy cho bà Lệ nhưng không rõ số tiền gốc là bao nhiêu. Sau một, hai lần không trả được thì bà Lệ mới nói viết giấy lại cho bà T. Ông có trả tiền lãi cho bà T thông qua bà Lệ nhưng không nhiều. Do tình hình dịch bệnh, khó khăn nên sau đó ông không trả tiền cho bà T. Bà T vẫn hỗ trợ cho công việc làm ăn của ông nhưng vì khó khăn và Ngân hàng không giải ngân nên ông không có tiền trả cho bà T. Bà T có gây sức ép buộc ông phải trả tiền. Ông có trả lãi cho bà T được vài tháng đầu. Từ đầu năm 2022 đến nay ông không trả cho bà T được đồng nào. Hiện nay bà T đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông: thửa đất số 959, tờ bản đồ số 3. Trong số tiền 1,7 tỷ mà vợ chồng ông viết giấy cho bà T bao gồm nợ gốc và nợ lãi. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đồng bị đơn bà Ngô Thị Huyền S đã nhận được thông báo thụ lý và các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng không trả lời ý kiến và không tham gia hòa giải.

Người làm chứng bà Phạm Thị Lệ trình bày:

Do bà và T1 có quan hệ quen biết nên khi T1 có nhu cầu vay tiền thì T1 nhờ bà giới thiệu người cho T1 để T1 vay tiền. Vì bà và T là bạn bè nên bà có giới thiệu T cho T1 và 2 bên tự thỏa thuận việc vay mượn tiền. Bà biết T1 mượn số tiền 1,7 tỷ đồng của T, còn mức lãi suất thì bà không rõ. Về thời gian mượn là anh T1 mượn trước đó rất lâu nhưng do anh T1 không trả nên T mới yêu cầu vợ chồng viết giấy mượn tiền vào năm 2021. Trong quá trình mượn, T1 có chuyển trả tiền lãi cho chị T thông qua bà 3 hay 4 lần gì đó bà không nhớ rõ, số tiền có lần 20 triệu, có lần 30 triệu. Do thời gian quá lâu nên bà cũng không còn lưu giữ tài liệu gì về việc này. Rồi sau đó T1 không trả nữa. Khi T yêu cầu T1 viết giấy thì có cả vợ chồng cùng đến viết giấy nhận nợ và cam kết trả nợ. Cả 2 vợ chồng đều tự nguyện viết và ký vào các

tờ giấy nợ mà bà có chứng kiến. Ban đầu vợ chồng T1 cầm cố cho T 2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin nhưng sau đó T1 mượn lại 1 giấy để làm hồ sơ thủ tục gì đó, còn T giữ lại một giấy. Việc mượn tiền giữa T1 và T do hai bên trao đổi và nhận tiền, bà không có nhận tiền của T rồi đưa cho T1

***Ý kiến của kiểm sát viên*:**

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật; thời hạn chuẩn bị xét xử, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa thực hiện các hoạt động tố tụng tại phiên tòa theo đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định pháp luật về tố tụng đân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của BLTTDS.

- Về nội dung: Sau khi xem xét, đánh giá chứng cứ toàn diện nội dung vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T, buộc ông Trần Đình T1 và bà Ngô Thị Huyền S trả cho bà T số tiền nợ 1,7 tỷ đồng.

Những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

02 Giấy cam kết (bản chính), 01 Giấy mượn tiền (bản chính), 01 GCNQSDĐ (bản photo), 01 Căn cước công dân (bản sao), 01 Sổ hộ khẩu (bản sao), văn bản trả lời ý kiến.

Các tình tiết sự kiện các bên không thống nhất và ý kiến của các bên:

Các đương sự không thống nhất số tiền nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn là ông Trần Đình T1 và bà Ngô Thị Huyền S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung*:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến trình bày của bị đơn cùng các chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử nhận định:

Các đương sự thừa nhận trước đó (không nhớ rõ về thời gian) ông Trần Đình T1 có vay của bà Phan Thị T một số tiền, sau đó nhiều lần bà T yêu cầu trả nợ nhưng do ông T1 không có khả năng thanh toán nên đến ngày 07/01/2021 vợ chồng ông Trần

Đình T1 và bà Ngô Thị Huyền S mới viết giấy mượn tiền với số tiền là 1,7 tỷ đồng. Hẹn đến ngày 28/02/2021 sẽ trả.

Do không trả nợ đúng hẹn nên các ngày 10/8/2021 và ngày 22/9/2022, ông Trần Đình T1 và bà Ngô Thị Huyền S tiếp tục viết giấy cam kết trả nợ cho bà Phan Thị T. Trong trường hợp không trả được nợ vợ chồng ông sẽ chuyển nhượng thửa đất số 959, tờ bản đồ số 3 thuộc thôn La Láp Tây, xã Duy Hòa cho bà T.

Bà T chứng minh số tiền 1,7 tỷ đồng là do vợ chồng ông T1 vay để kinh doanh trong gia đình chứ không phải cộng dồn tiền gốc và lãi. Vợ chồng ông T1 dã nhiều lần cam kết trả nợ nhưng vẫn không thực hiện và cũng không ký kết hợp đồng chuyển nhượng cho bà T như đã cam kết.

Tòa án đã lập biên bản yêu cầu ông T1 cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh nguồn gốc số tiền 1,7 tỷ đồng đã vay của bà T và số tiền lãi đã trả nhưng ông T1 không cung cấp. Bà Ngô Thị Huyền S là vợ ông T1 thì không hợp tác và không đến Tòa làm việc.

Người làm chứng bà Phạm Thị Lệ xác định số tiền vợ chồng ông T1 mượn của bà Phan Thị T là 1,7 tỷ đồng.

Vì vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T về việc yêu cầu vợ chồng ông Trần Đình T1 và bà Ngô Thị Huyền S trả số tiền nợ gốc là 1,7 tỷ đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Án phí DS-ST số tiền 63.000.000 đồng (*Sáu mươi ba triệu đồng*) ông Trần Đình T1 và bà Ngô Thị Huyền S phải chịu. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Phan Thị T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 30, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án**.**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị T.

Buộc ông Trần Đình T1 và bà Ngô Thị Huyền S có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị T số tiền 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Án phí DS-ST số tiền 63.000.000 đồng (*Sáu mươi ba triệu đồng*) ông Trần Đình T1 và bà Ngô Thị Huyền S phải chịu.

Hoàn trả cho bà Phan Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 31.500.000 đồng (*Ba mươi mốt triệu năm trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 2285 ngày 23/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/4/2023). Thời hạn kháng cáo của bị đơn là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp Quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Tám

Nơi nhận:
-TAND tỉnh QNam
-VKSND Duy Xuyên
-THADS Duy Xuyên.
-Các đương sự
-Lưu HS,AV